

Bản án số **134/2017/HSPT**
Ngày 19/7/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Đặng Văn Mạnh**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Cảnh**

Ông **Võ Đình Thắng**

- *Thư ký phiên toà:* Ông **Phan Văn Cường** – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Bạch Tuyết** - Kiểm sát viên.

Ngày 19/7/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên toà công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 103/2017/HSPT ngày 19/6/2017 đối với bị cáo Lê Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2017/HSST ngày 18/5/2017 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Bị cáo có kháng cáo: **Lê Văn T**, sinh ngày 01/4/1995 tại Đà Nẵng; ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Số 40 đường Võ, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Con ông Lê Văn Đ (c) và bà Trần Thị Thanh V (c); Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt giam ngày 11/11/2016, Có mặt.

Bị cáo không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị: Lê Văn T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 10/11/2016, Lê Văn T1 và Lê Văn T cùng ngồi nhậu ở nhà T1 tại tổ 76C, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Đến 23 giờ cùng ngày thì hết mỗi nhậu và hết tiền tiêu xài nên T1 rủ T đến khu vực hoa viên đường Trần Hưng Đạo để cướp tài sản của các cặp tình nhân, T đồng ý. T1 vào bếp lấy 01 con dao Thái Lan giấu trong ống tay áo rồi cùng T đi cướp tài sản. Khi đi đến khu vực hoa viên đường Trần Hưng Đạo trước khách sạn Hoa Bưởi, cả hai phát hiện chị Trần Thị Phương T và bạn trai Nguyễn Văn Đ đang ngồi chơi ở ghế đá. T1 bước đến định đưa dao lên cổ anh Đ nhằm uy hiếp anh Đ và chị T đưa tiền thì bị chị T phát hiện la lên. Anh Đ thấy vậy quay lại dùng tay đẩy T1 ra rồi cùng chị T bỏ chạy. T1 và T đuổi theo, chạy được một đoạn thì chị T té ngã nên T1 đuổi kịp, một tay đè chị T xuống đất còn một tay cầm dao uy

hiếp chị T đưa tiền. Chị T hoảng sợ mở túi xách lấy tiền đưa cho T1. Lúc này anh Đ tiến đến chỗ T1 thì T1 cầm dao hướng về phía anh Đ yêu cầu đứng lại. Thấy chị T lục tìm tài sản lâu nên T1 dùng tay giật mạnh túi xách làm túi xách rơi xuống đất, T1 nói T đứng gần đó nhặt lấy. Sau khi lấy được túi xách T1 và T bỏ đi nhưng nghe tiếng chị T nói rút tiền kia, T1 quay lại dùng dao uy hiếp anh Đ và chị T đứng yên và nhặt số tiền 300.000đ cất vào túi quần, rồi cả hai bỏ chạy vào một đường kiệt song song với đường Trần Hưng Đạo. Cả hai chạy được khoảng 100m thì T1 nghe T nói lấy được 01 điện thoại di động Iphone 6 bên trong túi xách. Khi đến sau lưng nhà hàng Minh Phát, T1 đưa lại túi xách cho T, T lục túi xách thấy không có gì. Lúc này có hai thanh niên đi xe Exciter đuổi theo nên cả hai bỏ chạy theo hai hướng khác nhau. Trong lúc bỏ chạy, T vứt túi xách vào một bụi cây ven đường. Chạy được một đoạn thì T bị thanh niên đi xe mô tô bắt và chở T quay lại nhặt túi xách. Hai thanh niên này chở T đến gặp chị T để trả túi xách và điện thoại di động cho chị T rồi được cho về. Sau đó chị T kiểm tra tài sản và phát hiện mất 300.000đ nên đến Công an phường An Hải Bắc trình báo sự việc. Đến 11 giờ ngày 11/11/2016, T1 và T bị Công an phường A mời về làm việc.

Theo định giá chiếc điện thoại Iphone 6 mà các bị cáo chiếm đoạt của chị Trần Thị Phương T có trị giá 9.200.000đ, túi xách có trị giá 100.000đ. Tổng giá trị tài sản Lê Văn T1 và Lê Văn T đã chiếm đoạt là 9.600.000đ

Tại Bản án sơ thẩm số 32/2017/HSST ngày 18/5/2017 Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 133; Điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt: **Lê Văn T** 05 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/11/2016.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về hình phạt đối với bị cáo Lê Văn T1 nhưng bị cáo không kháng cáo, không bị kháng cáo kháng nghị; xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo bản án.

Ngày 28/5/2017 bị cáo Lê Văn T có đơn kháng cáo với nội dung: Án sơ thẩm xử nặng, xin được cứu xét để vụ án được đưa ra xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Văn T có đầy đủ nội dung theo thủ tục kháng cáo và nằm trong hạn luật định nên đảm bảo hợp lệ.

Về nội dung: Tối ngày 10/11/2016 tại khu vực hoa viên đường Trần Hưng Đạo, bị cáo Lê Văn T cùng đồng bọn sử dụng dao uy hiếp, tấn công, khống chế anh Nguyễn Văn Đ và chị Trần Thị Phương T để chiếm đoạt của chị T 01 túi xách bên trong có 01 điện thoại di động Iphone 6 và số tiền 300.000đ, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 9.600.000đ. Do đó Bản án sơ thẩm số 32/2017/HSST ngày 18/5/2017 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo về tội “Cướp tài sản” theo Khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội. Bị cáo kháng cáo xin xin

giảm nhẹ hình phạt, tuy nhiên xét thấy Bản án sơ thẩm cũng đã xem xét vai trò, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và áp dụng thêm điều 47 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn T 05 năm 06 tháng tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm a Khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn T cũng khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm và cho rằng Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo về tội “Cướp tài sản” theo Khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, bị cáo chỉ xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Xét lời khai nhận tội của bị cáo Lê Văn T tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2017/HSST ngày 18/5/2017 Tòa án nhân dân quận Sơn Trà đã xét xử bị cáo Lê Văn T về tội “Cướp tài sản” theo Khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Xét kháng cáo của bị cáo Lê Văn T thì thấy: Do cần tiền tiêu xài nên khoảng 23 giờ ngày 10/11/2016 Lê Văn T rủ Lê Văn T đi cướp tài sản. Sau khi thống nhất cả hai đến khu vực hoa viên đường Trần Hưng Đạo, trước số nhà 285 Trần Hưng Đạo, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng để tìm người cướp tài sản. Tại đây T1 và T đã dùng dao tấn công, khống chế anh Nguyễn Văn Đ và chị Trần Thị Phương T để chiếm đoạt chiếm đoạt của chị T 01 túi xách bên trong có 01 điện thoại di động Iphone 6 và số tiền 300.000đ, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 9.600.000đ. Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm đã xâm phạm đến sức khỏe và tài sản của người khác là hai khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng khi được bị cáo T1 rủ rê bị cáo tham gia tích cực. Bản án sơ thẩm đã xem xét đánh giá chất vụ án, vai trò, mức độ hành vi và nhân thân của bị cáo, đồng thời áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1 Khoản 2 Điều 46 và áp dụng thêm Điều 47 Bộ luật Hình sự cho bị cáo, xử phạt bị cáo 05 năm 06 tháng tù là phù hợp và đã dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điểm a Khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng Hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều d Khoản 2 Điều 133; Điều b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt: Lê Văn T 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam, ngày 11/11/2016.

2. Về án phí: Áp dụng Điều b Khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo khác, về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo của bản án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- PV27 công an thành phố;
- Công an quận Sơn Trà;
- VKSND quận Sơn Trà;
- Tòa án nhân dân quận Sơn Trà;
- THA quận Sơn Trà;
- Sở Tư pháp TP ĐN (đ/c Bàng gửi);
- Trại giam Hòa Sơn, bị cáo;
- Lưu: HS; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đặng Văn Mạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm Phán

Thẩm Phán - Chủ Toạ Phiên Toà

Võ Đình Thắng

Nguyễn Thị Cảnh

Đặng Văn Mạnh

